TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ -ST
Ngày 03/6/2022
"V/v hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Lương Hồng
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hậu - Cán bộ nghỉ hưu
Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch Hội phụ nữ huyện

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Đức Sam - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 06 năm 2022, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLST - HNGĐ ngày 21/4/2022 về việc Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 18/5/2022 giữa các Đ sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1996
- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1988

Người có QLNV liên quan:

1. Cháu Phạm Nhật Minh, sinh ngày 12/5/2018
Người đại diện hợp pháp của cháu Minh: Chị X – Mẹ đẻ của cháu
Đều trú tại: NĐ, BS, ÂT, Hưng Yên
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Minh: Bà Đỗ Minh Ánh – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã BS, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Đại diện theo pháp luật: Ông Doãn Xuân Đ
Chức vụ: Chủ tịch

Chị X, anh Th, ông Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2022 và lời khai của chị X trình bầy chị và anh Th quen biết nhau, cả chị và anh Th đều đã có 01 đời vợ, đời chồng nhưng đã ly hôn. Sau 1 năm tìm hiểu thì anh, chị tiến tới hôn nhân, hai gia đình tổ chức cưới cho anh, chị, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BS vào ngày 09/1/2018. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh Th chung sống. Anh, chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 1 con chung. Đến năm 2018, Cục điều tra VKSND Tối cao về lấy lời khai của chị, anh Th thì anh, chị mới biết các quyết định thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các Đ sự của tôi, anh Th không được thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật mà do anh Phúc tự làm. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa chị và anh Th đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, không có hạnh phúc nên chị đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở được hơn 1 năm, không ai còn quan tâm đến ai. Do các quyết định thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các Đ sự của tôi, anh Th là giả, không có giá trị pháp lý, vì vậy việc tôi và anh Th kết hôn với nhau là trái quy định của pháp luật nên chị làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Th trình bày: Anh và chị X là người cùng làm công ty, anh chị đều đã có vợ, có chồng. Do mâu thuẫn anh làm đơn ly hôn với vợ trước (chị Phan Thị Nguyên), anh có nộp đơn ly hôn cho anh Phúc (Thư ký Tòa án), sau 1 tháng thì anh có quyết định thuận tình ly hôn số 35/2016/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2016, chị X và chồng cũng có mâu thuẫn, chị X làm đơn ly hôn anh đã giới thiệu anh Phúc cho chị X và chị X cũng đã nộp đơn ly hôn cho anh Phúc, tháng 05/2016 chị X và chồng có quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Anh, chị thông cảm hoàn cảnh của nhau nên tìm hiểu nhau, tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BS vào ngày 09/01/2018. Sau khi cưới, chị X về ngay gia đình anh chung sống. Giữa năm 2018, Cục điều tra VKSND Tối cáo có lấy lời khai của anh thì anh mới biết các quyết định thuận tình ly hôn của anh, chị X là anh Phúc làm giả, đến nay anh và chị Nguyên chưa ly hôn, sau khi sinh con xong một thời gian thì chị X thay đổi tính nết, thường xuyên đặt điều cho mẹ chồng, sau đó chị X nói là người âm hành, đất không hợp, chị X về nhà bố mẹ đẻ, sau đó chị X về nhà xin lỗi mẹ chồng, ở với nhau được vài tháng thì chị X lại sinh sự, vợ chồng lại cãi nhau, chị X lại về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2020 cho đến nay và anh chị sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, chị X yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị X, anh đề nghị Tòa án giải quyết nguyện vọng của chị X.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Thấm (mẹ đẻ của anh Th) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị X, anh Th vào năm 2018, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã BS. Sau khi thành vợ chồng chị X về ngay gia đình bà chung sống.

Sau khi sinh con xong khoảng vài tháng thì chị X thay đổi tính nết, lúc đầu thì lấy lý do sức khỏa yếu xin về nhà bố mẹ đẻ ở, được khoảng 6 tháng đi làm, bà có bảo anh Th đón vợ, con về. Khi chị X về đi làm công ty, bà ở nhà trông con giúp. Tối chị X về bà thấy chị X không hài lòng, còn nói bà quý con dâu cả hơn, sau đó thì gây sự với bà, khi làm nhà chị X nói bà không có đóng góp gì, vì hạnh phúc của các con nên bà dọn xuống nhà ngang ở, đến khi anh Th nói chị X có quan hệ bất chính với người đang ông khác, anh chị cãi nhau, chị X mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, bà có nói với anh Th nếu chị X biết lỗi thì vợ chồng về ở với nhau, X về được 1 tháng thì chị X nói bị người âm hành, vợ chồng đánh cãi nhau, chị X lại về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Anh Th, chị X có 01 con chung là Phạm Nhật Minh, sinh năm 2018. Hiện nay cháu đang ở với chị X.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện UBND xã BS trình bày quan điểm như sau:

Ủy ban nhân dân xã BS đã tiến hành kiểm tra, rà soát Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã quản lý anh Th đã có 01 đời vợ vứi chị Phan Thị Nguyên, sinh năm 1995. Ngày 09/01/2018, anh Th, chị X có đến UBND xã BS đăng ký kết hôn, cán bộ tư pháp đã yêu cầu anh Th xuất trình quyết định cho ly hôn của anh với chị Nguyên, còn chị X xuất trình xác nhận tình trạng hôn nhân. Anh Th đã xuất trình quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 35/2016/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2016 về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyên và anh Th, chị X cung cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã Xuân Trúc cấp và quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 71/2016/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2016 về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị X và anh Trung. Việc chị X, anh Th đã có vợ, có chồng nhưng đã ly hôn nên anh Th, chị X đến UBND xã đăng ký kết hôn là đúng quy định của pháp luật, đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm kết hôn nên UBND xã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh Th, chị X tại số 21 ngày 09/01/2018. Khoảng vài tháng sau Cục điều tra VKSND tối cao cùng TAND huyện Ân Thi xác minh và phát hiện trường hợp các quyết định công nhận thuận tình ly hôn của anh Th, chị X đều là gi . Đến nay, chị X đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Th, UBND xã đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Xuân Trúc: Chị X có đến UBND xã Xuân Trúc để xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn với anh Th tại UBND xã BS, trước chị X đã kết hôn với anh Bùi Đắc Trung nhưng chị X cung cấp cho cán bộ tư pháp quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 71/2016/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2016 về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị X và anh Trung, căn cứ quyết định chị X, anh Trung đã ly hôn nên cán bộ tư pháp lập giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị X và trình lãnh đạo UBND xã ký và cấp cho chị X giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 05/UBND.

Tại phiên tòa ngày 03/6/2022: Chị X, anh Th, ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, ông Đ.

Tại phiên tòa bà Ánh – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Minh có quan điểm: Anh Th, chị X chung sống với nhau có 01 con chung là Phạm Nhật Minh, sinh ngày 12/5/2018. Quá trình giải quyết vụ án chị X có nguyện vọng được nuôi cháu Minh vì hiện nay cháu đang ở với chị, anh Th cũng nhất trí. Về cấp dưỡng: Chị X không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị vì chị có thu nhập lương hàng tháng hơn 6.000.000 đồng, vì vậy việc chị X nuôi con là đảm bảo mọi mặt cho con chung. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của các Đ sự việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 73, 76 và 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bị đơn là anh Th đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Th vắng mặt, không có lý do đã vi phạm khoản 15,16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 5, Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị X: Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị X và anh Phạm Văn Th.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh Th và chị X, giao cháu Phạm Nhật Minh sinh ngày 12/5/2018 cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị X khởi kiện đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật với anh Th, hiện chị X, anh Th đều cư trú tại thôn NĐ, BS, ÂT, Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị X, anh Th, ông Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị X, anh Th, ông Đ theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS.

[2.] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Trước khi kết hôn với nhau, chị X và anh Th đều đã một lần đăng ký kết hôn, chị X đã kết hôn với anh Bùi Đắc Trung, sinh năm 1994 ở thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, còn anh Th đã kết hôn với chị Phan Thị Nguyên, sinh năm 1993 ở thôn Bối Khê, xã BS, huyện Ân Thi. Cuộc sống vợ chồng của chị X; vợ chồng anh Th không hoà thuận, có nhiều mâu thuẫn nên cả hai đã đến Toà án nhân dân huyện Ân Thi để làm thủ tục ly hôn vợ, chồng; cả chị X và anh Th đều gặp ông Nguyễn Văn Phúc là thư ký của Toà án nhân dân huyện Ân Thi khi đó, Phúc đã nhận đơn ly hôn của chị X và anh Th nhưng không thực hiện các thủ tục thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật mà làm giả các quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 35/2016/QĐST -HNGĐ ngày 04/01/2016 về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Th, chị Nguyên và số 71/2016/QĐST – HNGĐ ngày 18/5/2016 về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị X, anh Trung (Được thể hiện tại Bản án số 04/2019/HS -ST ngày 23/01/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên). Như vậy các quyết định công nhận thuận tình ly hôn của chị X và anh Th là trái quy định của pháp luật, không có giá trị pháp lý, không có hiệu lực thi hành, do đó hôn nhân giữa anh Phan Văn Th và chị Phan Thị Nguyên, giữa chị Hoàng Thị X và anh Bùi Đắc Trung vẫn đang tồn tại; anh Th, chị X vẫn đang là người có vợ, có chồng. Chính vì vậy, việc chị X, anh Th đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã BS vào ngày 09/01/2018 đã vi phạm quy định về các hành vi bị cấm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó hôn nhân giữa anh Th, chị X là không hợp pháp. Mặt khác, quá trình chung sống hai bên xác định có nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, ngoài ra còn nguyên nhân giữa mẹ chồng, nàng dâu, chị X đã nhiều lần về nhà bố mẹ đẻ ở, đến năm 2020 chị X, anh Th đã ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị X về viêc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị X và anh Phạm Văn Th theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 09/01/2018 tại UBND xã BS, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Th, chị X có 01 con chung là Phạm Nhật Minh, sinh ngày 12/8/2018. Hiện cháu cháu Minh đang ở với chị X. Nay chị X, anh Th không ở với nhau nữa chị X có nguyện vọng được nuôi con chung, anh Th cũng nhất trí để chị X tiếp tục nuôi con chung. HĐXX xét thấy giao cháu Minh cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con chung, phù hợp với thực tế. Về cấp dưỡng chị X không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì hiện nay chị X làm công ty lương hàng tháng là hơn 6.000.000 đồng, yêu cầu của chị là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Th, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 5, Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1- Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị X và anh Phạm Văn Th theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 09/1/2018 tại UBND xã BS, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Chị Hoàng Thị X và anh Phạm Văn Th phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2- Về con chung: Giao cháu Phạm Nhật Minh, sinh ngày 12/5/2018 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị X. Anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí : Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003782 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị X đã nộp đủ án phí.

5- Quyền kháng cáo: Chị X, anh Th, ông Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT và THA tỉnh;
-VKSND + THADS huyện;
-Đ sự;
-UBND xã BS, Ân Thi;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Lương Hồng